

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS-ST

Ngày 22- 9 - 2017

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Trần Hữu Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Thanh.

Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Tuấn Kiệt – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số: 181/2017/DS-ST, ngày 25/04/2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2017/QĐST-DS, ngày 29/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị M sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Võ Kim Th sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Ấp 2A, xã H, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Võ Kim T ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Xã H, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Lê Thị Kim L sinh năm: 1996.

Lê Thị Thảo N sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp 2A, xã H, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Thị Thảo N, Lê Thị Kim L ủy quyền cho anh Đặng Thành T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 60/28/5 Phạm T, phường 7, TP. T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Có mặt tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Ngọc T, anh Đặng Thành

T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Nguyên vào ngày 22/4/2014 âm lịch, bà có cho bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N vay số tiền vốn 140.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ 100.000.000 đồng, bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N ký tên vào biên nhận nợ, riêng phần tiền 40.000.000 đồng không có làm biên nhận. Đến ngày 19/11/2014 âm lịch, bà cho bà Võ Kim T vay thêm số tiền vốn 10.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, bà Võ Kim T có ký tên vào biên nhận. Đến ngày 10/12/2014 âm lịch, bà cho bà Võ Kim T vay thêm số tiền vốn 30.000.000 đồng, có làm biên nhận và bà Võ Kim T có ký tên vào biên nhận. Đến ngày 21/8/2015 âm lịch, bà cho bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N vay thêm 20 chỉ vàng 24 kara, có làm biên nhận nợ, bà Võ Kim T và chị Lê Thị Thảo N có ký tên vào biên nhận nợ. Đến ngày 15/12/2015 âm lịch, bà cho bà Võ Kim T vay thêm số tiền vốn 30.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, bà Võ Kim T có ký tên vào biên nhận nợ. Nay bà yêu cầu bà Võ Kim T cùng hai con bà là chị Lê Thị Kim L và chị Lê Thị Thảo N liên đới trả tiền vay còn nợ vốn 210.000.000 đồng, 20 chỉ vàng 24 kara và tiền lãi là 52.905.000 đồng.

Bà Võ Kim T trình bày: Nguyên vào năm 2015, ngày tháng nào bà không nhớ, bà có vay của bà Nguyễn Thị M tổng số tiền vốn 170.000.000 đồng và 20 chỉ vàng. Cụ thể:

- Lần 1: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);
- Lần 2: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);
- Lần 3: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- Lần 4: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);
- Lần 5: 20 chỉ vàng 24 kara.

Tổng số tiền và vàng vay trên bà có đóng lãi 3%/tháng, đến tháng 01 năm 2016 âm lịch, bà không còn khả năng đóng lãi tiếp và ngưng đóng lãi cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu trả số tiền vay còn nợ vốn 210.000.000 đồng, 20 chỉ vàng 24 kara và tiền lãi là 52.905.000 đồng, bà không đồng ý mà chỉ đồng ý trả tiền vay còn nợ vốn 170.000.000đ, 20 chỉ vàng 24 kara và tiền lãi là 0,75%/tháng tính từ ngày 01/01/2016 âm lịch cho đến nay là 30.000.000 đồng. Có biên nhận vay bà ký tên, có biên nhận vay bà, chị Lê Thị Kim L và Lê Thị Thảo N ký tên nhưng chỉ có một mình bà nhận tiền, vàng nên bà chỉ đồng ý một mình bà trả cho bà Nguyễn Thị M.

Chị Lê Thị Thảo N, Lê Thị Kim L ủy quyền cho bà Võ Kim T trình bày: Thống nhất theo ý kiến của bà Võ Kim T.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Bà Nguyễn Thị M và Võ Kim T chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng chị Lê Thị Thảo N và chị Lê Thị Kim L vắng mặt các lần hòa giải khi chưa có văn bản ủy quyền là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 07/4/2017 và các chứng khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Võ Kim T vắng mặt và có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T; chị Lê Thị Thảo N, Lê Thị Kim L vắng mặt và có văn bản ủy quyền cho anh Đặng Thành T theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/8/2017. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N và Lê Thị Kim L, do bà Thoa có văn bản ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T; chị Lê Thị Thảo N và chị Lê Thị Kim L có văn bản ủy quyền cho anh Đặng Thành T không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N và chị Lê Thị Kim L liên đới trả tiền vay còn nợ vốn 170.000.000 đồng, 20 chỉ vàng 24 kara, và tiền lãi tính từ ngày làm biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng 0,75%/tháng; rút số tiền vay còn nợ vốn 40.000.000 đồng và lãi phần tiền 40.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị M nộp cho Tòa án năm biên nhận nợ: Biên nhận vay tiền 100.000.000 đồng ngày 22/4/2014 âm lịch và phía sau có phần tiền 40.000.000 đồng; biên nhận vay 30.000.000 đồng ngày 10/12/2014 âm lịch, biên nhận vay 10.000.000 đồng ngày 19/11/2014 âm lịch, biên nhận vay 30.000.000 đồng ngày 15/12/2015 và biên nhận vay 20 chỉ vàng 24kara ngày 21/8/2015 âm lịch.

Bà Võ Kim T ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T không đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, mà chỉ đồng ý trả bà Nguyễn Thị M tiền vay còn nợ vốn 170.000.000đ và 20 chỉ vàng 24 kara, không đồng ý trả tiền lãi, với điều kiện bà Võ Kim T trả, không đồng ý cùng chị Lê Thị Thảo N và chị Lê Thị Kim L liên đới trả. Do tiền và vàng vay của bà Nguyễn Thị M chỉ có một mình bà Võ Kim T nhận và sử dụng không liên quan gì tới các con của bà, do bà Nguyễn Thị M yêu cầu chị Lê Thị Thảo N, chị Lê Thị Kim L phải ký tên vào biên nhận nợ mới đồng ý cho vay. Chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N ủy quyền cho anh Đặng Thành T không đồng ý liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị M, vì số tiền và vàng vay là bà Võ Kim T vay của bà Nguyễn Thị M. Bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N và chị Lê Thị Kim L có ký vào biên nhận nợ vay 100.000.000 đồng ngày 22/4/2014 âm lịch; bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N có ký vào biên nhận vay 20 chỉ vàng 24 kara ngày 21/8/2015 âm lịch, còn 03 biên nhận nợ còn lại chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N không có ký tên. Việc chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N ký tên vào biên nhận nợ với tư cách người làm chứng nên không đồng ý liên đới trả tiền và vàng vay cho bà Nguyễn Thị M.

Xét hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị M và Võ Kim T, Lê Thị Thảo N, Lê Thị Kim L tuy không làm hợp đồng cụ thể nhưng thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận hai bên, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, lúc giao kết vay hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng vay được xem là hợp pháp. Nhưng quá trình thực hiện hợp đồng bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N, chị Lê Thị Kim L chưa trả đầy đủ tiền, vàng vốn cho bà Nguyễn Thị M là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015:

Theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2.....”

Hội đồng xét xử, xét thấy biên nhận nợ ngày 22/4/2014 âm lịch, số tiền vay vốn 100.000.000 đồng có chữ ký bà Võ Kim Thoa, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N và phía sau có ghi phần tiền vay thêm 40.000.000đ nhưng bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N không có ký tên. Anh Nguyễn Ngọc T thừa nhận trong biên nhận nợ có chữ ký bà Võ Kim T, còn anh Đặng Thành T thừa nhận trong biên nhận nợ có chữ ký chị Lê Thị Thảo N, chị Lê Thị Kim L ký tên vào biên nhận nợ nhưng chỉ có bà Võ Kim T nhận tiền nên không đồng ý liên đới trả nợ. Biên nhận ngày 22/4/2014 âm lịch ghi: "Hôm nay, ngày 22/4/2014 âm lịch, tôi tên: Võ Kim T, sinh năm: 1965, cùng các con...", có đầy đủ căn cứ bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền vốn 100.000.000 đồng, nên buộc bà Võ Kim T cùng chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị M số tiền vay còn nợ vốn 100.000.000 đồng.

- Đối với biên nhận vay 20 chỉ vàng 24 kara ngày 21/8/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N, chị Lê Thị Kim L liên

đới trả nợ là có một phần căn cứ. Vì biên nhận nợ vàng bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N có ký tên vào biên nhận nợ, còn chị Lê Thị Kim L không có ký tên vào biên nhận nợ. Nhưng bà cho rằng việc vay vàng có người chứng kiến nhưng qua xác minh được biết, việc bà Nguyễn Thị M cho bà Võ Kim T vay vàng là có thật, không biết bà Nguyễn Thị M giao vàng cho ai nhận. Bà Nguyễn Thị M không có chứng cứ chứng minh việc bà cho bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N vay vàng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận nợ ngày 21/8/2015 âm lịch, có chữ ký của chị Lê Thị Thảo N nên buộc chị Lê Thị Thảo N và bà Võ Kim T cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M 20 chỉ vàng 24 kara.

- Đối với biên nhận nợ ngày 10/12/2014 âm lịch, vay số tiền vốn 30.000.000 đồng; biên nhận nợ ngày 19/11/2014 âm lịch, vay số tiền vốn 10.000.000 đồng và biên nhận ngày 15/12/2015 âm lịch, vay số tiền vốn 30.000.000 đồng, ba biên nhận nợ có bà Võ Kim Thoa ký tên, còn chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N không có ký tên vào các biên nhận nợ này. Bà Nguyễn Thị M không có chứng cứ chứng minh việc bà cùng cho bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N vay tiền. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu buộc bà Võ Kim T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M tiền vay vốn 70.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N trả lãi phần tiền vay vốn 170.000.000 đồng, lãi theo mức lãi suất Ngân hàng là 0,75%/tháng, lãi tính từ ngày làm biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Võ Kim T ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T không đồng ý trả tiền lãi, do trong biên nhận nợ không ghi thỏa thuận lãi suất. Chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N ủy quyền cho anh Đặng Thành T không thừa nhận có nợ tiền và vàng của bà Nguyễn Thị M nên không đồng ý trả phần tiền lãi.

Hội đồng xét xử, xét thấy việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị M với bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N, trong biên nhận nợ không ghi thỏa thuận lãi suất. Nhưng theo biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2017 của bà Võ Kim T, thì bà Võ Kim T thừa nhận vay số tiền vốn 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, còn phần tiền vốn 70.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Xét thấy việc bà Nguyễn Thị M yêu cầu tính lãi suất cơ bản theo Ngân hàng là 0,75% là có lợi cho bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với Điều 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi suất được tính như sau:

- Số tiền vay 100.000.000 đồng ngày 22/4/2014 âm lịch (nhằm ngày 20/5/2014 dương lịch) đến ngày 22/9/2017 dương lịch là 40 tháng 02 ngày: $100.000.000 \text{ đồng} \times 40 \times 02 \times 0,75\% = 30.050.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền vay 10.000.000 đồng ngày 19/11/2014 âm lịch (nhằm ngày 09/01/2015 dương lịch) đến ngày 22/9/2017 dương lịch là 32 tháng 13 ngày: $10.000.000 \text{ đồng} \times 32 \text{ tháng} \times 13 \text{ ngày} \times 0,75\% = 2.432.500 \text{ đồng}$.

- Số tiền vay 30.000.000 đồng ngày 10/12/2014 âm lịch (nhằm ngày 29/01/2015 dương lịch) đến ngày 22/9/2017 dương lịch là 31 tháng, 23 ngày: $30.000.000 \text{ đồng} \times 31 \text{ tháng} \times 23 \text{ ngày} \times 0,75\% = 7.147.500 \text{ đồng}$.

- Số tiền vay 30.000.000 đồng ngày 15/12/2015 âm lịch (nhằm ngày 24/01/2016 dương lịch) đến ngày 22/9/2017 dương lịch là 19 tháng, 28 ngày: $30.000.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 28 \text{ ngày} = 4.485.000 \text{ đồng}$.

Như phân tích ở trên buộc bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N liên đới trả bà Nguyễn Thị M tiền vay còn nợ vốn 100.000.000 đồng nên phần tiền lãi buộc bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N liên đới trả bà Nguyễn Thị M là 30.050.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là: 130.050.000 đồng. Bà Võ Kim T có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị M tiền vay còn nợ vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 14.065.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 84.065.000đ.

Bà Võ Kim T cho rằng bà có đóng lãi cho bà Nguyễn Thị M phần tiền vay vốn 100.000.000 đồng có đóng lãi được 06 tháng là 24.000.000 đồng, không có làm biên nhận. Ngày 16/5/2017, Tòa án tổng đạt Quyết định số: 52/2017/QĐ-CCTLCC ngày 16/5/2017 cho bà Võ Kim T về việc cung cấp các chứng cứ chứng minh số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà Nguyễn Thị M từ lúc vay tiền và vàng nhưng bà không cung cấp được và bà Nguyễn Thị M cũng không thừa nhận có nhận tiền của bà Võ Kim T tiền đóng lãi 24.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M rút yêu cầu bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N liên đới trả tiền vay còn nợ vốn 40.000.000 đồng và tiền lãi phần tiền 40.000.000 đồng là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ không xem xét.

[4]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N liên đới trả tiền vay vốn và lãi 130.050.000 đồng nên bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N phải nộp 6.502.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm ($130.050.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.502.500 \text{ đồng}$).

Buộc bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N trả cho bà Nguyễn Thị M 20 chỉ vàng 24 kara (theo biên bản thỏa thuận giá vàng thi vàng 24 kara, vàng thị trường giá 3.000.000 đồng/chỉ), nên bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N phải nộp 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ($20 \text{ chỉ vàng} \times 3.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$).

Buộc bà Võ Kim T trả cho bà Nguyễn Thị M tiền vay còn nợ vốn và lãi 84.065.000 đồng ($84.065.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.203.250 \text{ đồng}$) nên bà Võ Kim T phải nộp 4.203.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, 228 và khoản 2 Điều 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N trả tiền vay còn nợ vốn 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi khoản tiền này.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị M: Buộc bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N, Lê Thị Kim L trả cho bà Nguyễn Thị M tiền vay còn nợ vốn 100.000.000 đồng và lãi 30.050.000 đồng, tổng cộng: 130.050.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N trả bà Nguyễn Thị M vàng vay còn nợ vốn 20 (Hai mươi chỉ) vàng 24 kara, vàng thị trường (Trả bằng hiện vật hoặc bằng tiền tương đương trị giá tại thời điểm thi hành án).

- Buộc bà Võ Kim T trả cho bà Nguyễn Thị M tiền vay còn nợ vốn 70.000.000 đồng và lãi 14.065.000 đồng, tổng cộng: 84.065.000 đồng (Tám mươi bốn triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị M, nếu bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N, chị Lê Thị Kim L chưa thi hành xong số tiền, vàng trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Kim T, chị Lê Thị Kim L, chị Lê Thị Thảo N phải nộp 6.502.500đ (Sáu triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Kim T, chị Lê Thị Thảo N phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Kim T phải nộp 4.203.250đ (Bốn triệu hai trăm lẻ ba ngàn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.148.000đ (Tám triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng) theo lai thu số 10100 ngày 17/04/2017.

Các đương sự nộp tiền án phí và nhận lại tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Phước